TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 07-01-2020 tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-3-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà PTC; địa chỉ: Số 5C A, thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông NQH; đia chỉ: Số 15/90 E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06-01-2020 và các bản tự khai, nguyên đơn là bà PTC trình bày:

Bà PTC và ông NQH chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988. Vì không hiểu biết pháp luật nên bà PTC và ông NQH không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, bà PTC và ông NQH phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng về tính cách và lối sống, dẫn đến nhiều vấn đề hai bên không thống nhất được với nhau, nhiều lần xảy ra cãi vã khiến cuộc sống chung luôn căng thẳng. Bà PTC và ông NQH đã không chung sống cùng nhau từ năm 2010 cho đến nay. Vì vậy, bà PTC đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông NQH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà PTC và ông NQH có 02 con chung là H, sinh ngày 13-6-1989 và I, sinh ngày 12-6-1997. Các con chung đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, nên bà PTC không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn, ông NQH trình bày:

Bị đơn xác nhận nội dung trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết tại Tòa án là đúng sự thật, hai bên có nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Khoảng 10 năm nay, ông NQH và bà PTC đã không còn chung sống cùng nhau. Bởi vậy, bị đơn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Do các con chung đều đã thành niên như ý kiến của nguyên đơn, nên bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ, về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng, nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về yêu cầu không công nhận vợ chồng: Lời khai của nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa. Bởi vậy, có đủ cơ sở xác định bà PTC và ông NQH

chung sống với nhau từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn, hai bên đương sự có 02 con chung là H, sinh ngày 13-6-1989 và I, sinh ngày 12-6-1997. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Xét thấy, hai con chung đều đã thành niên, có cuộc sống riêng, nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà PTC và ông NQH.

2. Về con chung: Có 02 con chung là H, sinh ngày 13-6-1989 và I, sinh ngày 12-6-1997. Các con chung đều đã thành niên, nên không xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà PTC phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009790 ngày 07-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Bà PTC đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Thuận